TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/2025/QĐST-HNGĐ	*Mỹ Phong, ngày 18 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 56/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

+ Anh **Võ Minh T**, sinh năm 2000, số CCCD: 0822200007589 cấp ngày 12/3/2025; Địa chỉ: số 17 Trần Văn H, phường T, tỉnh Đ.

+ Chị **Mai Ngọc H**, sinh năm 2002; số CCCD: 082302002041 cấp ngày 24/02/2022; Địa chỉ: Khu phố P, phường T, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H chung sống với anh T từ năm 2023 trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân Phường 10 (nay là Phường T), tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 15 tháng 11 năm 2023 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

[2] Tại phiên hòa giải, anh T và chị H xác định: Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vì vậy anh T, chị H đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho anh, chị.

[3] Xét yêu cầu đề nghị công nhận thuận tình ly hôn của anh Võ Minh T và chị Mai Ngọc H thì thấy: Tại phiên hòa giải anh T và chị H đều xác định không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã thật sự trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu nhưng anh T và chị H vẫn không thể hàn gắn được. Do đó, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh T và chị H là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 55 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Thanh T, sinh ngày 02/3/2024. Anh T và chị H thống nhất sau khi ly hôn giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Các vấn đề khác: không có.

[7] Về Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh T và chị H tự nguyên chịu mỗi người 150.000 đồng.

Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Võ Minh T và chị Mai Ngọc H.

1.2. Về con chung: giao cháu Võ Thanh T, sinh ngày 02/3/2024 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh T và chị H tự nguyện chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mỗi người là 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0006863 và 0006864 ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ. Như vậy, anh T và chị H đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đ;
- Viện kiểm sát nhân dân KV1-ĐT;
- THADS tỉnh Đ;
- UBND phường T;
- Các đương sự :
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Thưa